

34. Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài gắn với thành lập doanh nghiệp (vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư;

2. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

+ *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Nộp bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

+ *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Nộp bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.

Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

4. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý (nếu có) đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua.

Hồ sơ thành lập doanh nghiệp

Dự thảo Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên thành lập công ty;

5. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

6. Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp (theo mẫu);

7. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;

8. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

- **Thời hạn giải quyết:** 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư;

2. Hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

3. Danh sách thành viên ứng với mọi loại hình doanh nghiệp

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

- + Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- + Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- + Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;
- + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;
- + Luật Công nghệ cao năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2009;
- + Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;
- + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh;
- + Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- + Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;
- + Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;
- + Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Doanh nghiệp)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Fax:..... Email:.....

Đăng ký thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên bằng tiếng Việt:.....

b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

c) Tên viết tắt nếu có:.....

2. Địa chỉ trụ sở chi nhánh:

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

Chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:.....

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

3. Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập:

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

5. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

6. Vốn của doanh nghiệp:.....

7. Vốn pháp định:

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:
5. Thời hạn hoạt động:.....
6. Tiến độ thực hiện dự án:.....
7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH
JOINT VENTURE CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)

1. Tên Công ty:.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:

3. Trụ sở chính / Head office:

Điện thoại/ Telephone:..... **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính / Main business lines:

5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân :

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính :

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích:(mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**

Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
 Split into main and auxiliary products (if necessary).

3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
 Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
 Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...
(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:

chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/

accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các Bên) kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các Bên) kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp v theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
 Independence - Freedom - Happiness



HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH
BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:

A. Vietnamese party(ies):

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính / *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:

B. Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính / *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaace of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*:..... Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các Bên) kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.

Construction: from month.....to month.....

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month.....to month.....

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month.....to month....

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (các Bên) Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

○ (các Bên) Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)

○ (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-8

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-9

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông				
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-10

DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

35. Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ gắn với thành lập doanh nghiệp**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản sao Quyết định của Thủ tướng đồng ý về nguyên tắc cho phép dự án được triển khai tại Khu CNC TP.HCM;

2. Bản sao Quyết định của UBND TP đồng ý cho phép dự án được triển khai tại Khu CNC TP.HCM;

3. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư

4. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

5. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

+ *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Nộp bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

+ *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Nộp bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.

Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

6. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý (nếu có) đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua;

7. Bản Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường (theo quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện);

8. Giải trình kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung theo mẫu (theo mẫu).

Hồ sơ thành lập doanh nghiệp:

9. Dự thảo Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên thành lập công ty;

10. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

11. Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp (theo mẫu);

12. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;

13. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, ngành có liên quan

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư;

2. Hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

3. Bản giải trình kinh tế kỹ thuật;

4. Danh sách thành viên ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Luật Công nghệ cao năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2009;

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh

+ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục

+ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Doanh nghiệp)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Fax:..... Email:.....

Đăng ký thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

d) Tên bằng tiếng Việt:.....

e) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

f) Tên viết tắt nếu có:.....

2. Địa chỉ trụ sở chi nhánh:

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

Chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:.....

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

8. Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập:

9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

10. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

11. Vốn của doanh nghiệp:

12. Vốn pháp định:

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:
5. Thời hạn hoạt động:.....
6. Tiến độ thực hiện dự án:.....
7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH
JOINT VENTURE CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)

2. Tên Công ty:.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:

3. Trụ sở chính / Head office:

Điện thoại/ Telephone:..... **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính / Main business lines:

.....

5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân :

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính :

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích:(mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**

Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
Split into main and auxiliary products (if necessary).

3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...

(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:

chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/

accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các Bên) kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các Bên) kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp v theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
 Independence - Freedom - Happiness



HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH
BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:

A. Vietnamese party(ies):

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính / *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:

B. Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính / *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaice of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*: Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(*Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .*).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các Bên) kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.

Construction: from month.....to month.....

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month.....to month.....

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month.....to month....

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (các Bên) Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

○ (các Bên) Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)

○ (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày. . . . , tại. . . . , gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. . . . (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. . . . đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-8

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-9

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông				
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-10

DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG:

1. Thủ tục Cấp phép lao động cho người nước ngoài:

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ thì tiến hành hướng dẫn Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành viết giấy biên nhận.

Bước 3: Căn cứ theo phiếu hẹn, DOANH NGHIỆP sẽ đến nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả hồ sơ.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài (theo mẫu);

2. Phiếu đăng ký dự tuyển lao động của người nước ngoài hay là văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người nước ngoài sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam (nếu người nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp có hiện diện thương mại tại Việt Nam) hay là hợp đồng ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài (nếu người nước ngoài là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng) hay là giấy chứng nhận của tổ chức phi Chính phủ nước ngoài được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (Người nước ngoài đại diện cho tổ chức phi Chính phủ nước ngoài được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam) (theo mẫu);

3. Phiếu lý lịch tự thuật (theo mẫu);

4. Phiếu lý lịch tư pháp;

5. Đơn xin làm việc;

6. Bản sao giấy chứng nhận về trình độ chuyên môn, tay nghề;

7. Giấy chứng nhận sức khỏe;

8. 03 ảnh màu (kích thước 3 x 4cm);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí (nếu có):**

Lệ phí cấp phép lao động cho người nước ngoài:

+ Cấp mới giấy phép lao động: 400.000 đồng/giấy phép.

+ Cấp lại giấy phép lao động: 300.000 đồng/giấy phép.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản đề nghị cấp phép lao động cho người nước ngoài (mẫu số 4).

+ Phiếu đăng ký dự tuyển lao động (mẫu số 1).

+ Bản lý lịch tự thuật (mẫu số 2).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Bộ Luật Lao động;

+ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/03/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

+ Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số

34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

+ Quyết định số 68/QĐ-KCNC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, về ban hành quy trình quản lý lao động đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao.

MẪU SỐ 4: Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: /

V/v: Đề nghị cấp giấy phép lao động
cho người lao động nước ngoài.

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

Công ty (doanh nghiệp, tổ chức):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy phép kinh doanh số:

Cơ quan cấp: Ngày cấp:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Đề nghị: cấp giấy phép lao động cho:

Ông (bà): Quốc tịch:

Ngày, tháng, năm sinh:

Trình độ chuyên môn:

Chức danh công việc:

Dự kiến thời gian làm việc từ ngày: .../.../..... đến ngày: .../.../.....

Dự kiến sẽ giao kết hợp đồng lao động hay quyết định cử sang làm việc từ ngày //
đến ngày // , địa điểm làm việc công việc đảm nhận:

....., mức lương.....

Lý do phải tuyển lao động nước ngoài:

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

Người đề nghị
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 1: Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LAO ĐỘNG
APPLICATION FORM

Kính gửi: (To)

Tên tôi là (viết chữ in hoa):

Full name (in capital)

Ngày, tháng, năm sinh: Nam/Nữ

Date of birth (D-M-Y)

Male/female

Quốc tịch:

Nationality

Số hộ chiếu Ngày cấp

Passport number:

Date of issue

Nơi cấp

Place of issue

Trình độ học vấn:

Education:

Trình độ chuyên môn tay nghề:

Professional qualification:

Trình độ ngoại ngữ (sử dụng thành thạo):

Foreign language (Proficiency)

Sau khi nghiên cứu nội dung thông báo tuyển lao động của người sử dụng lao động, tôi thấy bản thân có đủ điều kiện để đăng ký dự tuyển vào vị trí: với thời hạn làm việc:

Upon careful consideration on your notice of recruitment, I myself consider to be qualified for the position of for the working period of

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật lao động Việt Nam. Nếu vi phạm tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

I commit to fully abide by the Vietnamese labour legislation and will bear all responsibility for any violation.

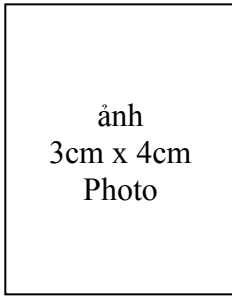
Người đăng ký dự tuyển lao động Applicant

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

MẪU SỐ 2: Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

LÝ LỊCH TỰ THUẬT *CURRICULUM VITAE*



I- SƠ YẾU LÝ LỊCH *(CURRICULUM VITAE)*

- 1- Họ và tên: Giới tính:
Full name *Male/Female*
- 2- Số hộ chiếu Ngày cấp:
Passport number *Date of issue*
- 3- Ngày, tháng, năm sinh:
Date of birth (D-M-Y)
- 4- Tình trạng hôn nhân:
Marital status
- 5- Quốc tịch gốc:
Nationality of origin
- 6- Quốc tịch hiện tại:
Current nationality
- 7- Nghề nghiệp hiện tại:
Current profession
- 8- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại:
Last or current working place

II- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO *Training background*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III- QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC CỦA BẢN THÂN
Employment Record

9- Làm việc ở nước ngoài:
Employment outside Vietnam

.....
.....

10- Làm việc ở Việt Nam
Employment in Vietnam

.....
.....
.....

IV- LÝ LỊCH VỀ TƯ PHÁP
Justice record

11- Vi phạm pháp luật Việt Nam. (Thời gian vi phạm, mức độ vi phạm, hình thức xử lý)
Violation of the Vietnamese law. (Level of violation, time of violation, dealt measures for violation)

.....
.....
.....

12- Vi phạm pháp luật nước ngoài. (Thời gian vi phạm, mức độ vi phạm, hình thức xử lý)
Violation of laws of any other country. (Level of violation, time of violation, dealt measures for violation)

.....
.....
.....

13- Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm.
I certify that the statements given above are true to the best of my knowledge and will be responsible for any incorrectness.

Ngày tháng năm
Người khai ký tên
(Signature of Applicant)

2. Thủ tục Đăng ký cấp sổ lao động cho người lao động

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thành hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Ban quản lý sẽ kiểm tra thông tin và chuyển đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội để đăng ký theo quy định.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Công văn đề nghị cấp sổ lao động;
2. Bản danh sách đăng ký cấp sổ lao động (theo mẫu);
3. Hai (2) tờ khai cấp sổ lao động/người lao động;
4. Hợp đồng lao động (bản chính) để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- Kết quả thủ tục hành chính: Sổ lao động.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bản danh sách đăng ký cấp sổ lao động (mẫu số 06).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Lao động là người Việt Nam có quyền công dân thực hiện giao kết hợp đồng lao động với thời hạn không xác định và hợp đồng lao động với thời gian xác định từ 1 năm trở lên trong tất cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (kể cả xí nghiệp, công ty liên doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); các cơ quan, tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước đóng tại Việt Nam) có sử dụng lao động là người Việt Nam làm hợp đồng đều được cấp sổ lao động.

2. Những công nhân, viên chức trong các đơn vị khi chuyển sang chế độ hợp đồng lao động nhưng chưa được ký hợp đồng lao động, đang thuộc diện chờ việc hoặc chờ giải quyết chế độ được cấp sổ lao động.

3. Công dân Việt Nam ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động, thực hiện ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản có thời hạn từ 3 tháng trở lên.

4. Trẻ em chưa đủ 15 tuổi làm việc ở một số nghề và công việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Bộ Luật Lao động;

+ Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm;

+ Quyết định số 533/LĐTBXH-QĐ ngày 31 tháng 5 năm 1994 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội ban hành về việc in phát hành và quản lý sổ lao động;

+ Quyết định số 1414/1997/QĐ-BLĐTB&XH ngày 17 tháng 11 năm 1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý lao động cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 18/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 1994 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng sổ lao động;

+ Thông tư số 10/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 5 năm 1996 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hướng dẫn bổ sung việc cấp, quản lý và sử dụng sổ lao động;

+ Quyết định số 68/QĐ-KCNC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành quy trình quản lý lao động đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao.

BAN QUẢN LÝ KCNC

Biểu số 06/CSLĐ

ĐĂNG KÝ CẤP SỔ LAO ĐỘNG

Tên đơn vị:

Thành phần kinh tế:

Địa chỉ:

Tên cơ quan chủ quản:

Thuộc Bộ, ngành, tỉnh, TP:.....Tổng số danh sách này.....Sổ, từ số.....đến số.....

Mã số quản lý của cơ quan lao động:

Số TT	Họ tên	Năm sinh		Địa chỉ Thường trú	Địa chỉ Nơi cư trú	Hợp đồng lao động			Số sổ lao động	Ghi chú
		Nam	Nữ			Ngày ký	Loại HĐ	Công việc thỏa thuận		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập biểu
(ký tên, đóng dấu)

Ngàythángnăm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Đăng ký hệ thống thang, bảng lương

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại bộ phận trả kết quả của văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao tp Hồ Chí Minh.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Công văn đề nghị đăng ký hệ thống thang, bảng lương;
2. Hệ thống thang lương, bảng lương của doanh nghiệp;
3. Bản quy định các tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng đối với từng chức danh hoặc nhóm chức danh nghề, công việc trong thang lương, bảng lương;
4. Ý kiến tham gia của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành công đoàn lâm thời trong doanh nghiệp.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Bộ Luật Lao động;

+ Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tiền lương;

+ Nghị định số 166/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

+ Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xã trang trại hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

+ Nghị định số 111/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

+ Thông tư số 12/2003/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về tiền lương đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước;

+ Thông tư số 13/2003/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về tiền lương đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

+ Thông tư số 14/2003/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2002 về tiền lương đối với người lao động

làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và cơ quan tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam;

+ Thông tư số 28/2007/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 114/2002/NĐ-CP về tiền lương do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, để sửa đổi Thông tư số 13/2003/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 14/2003/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về tiền lương;

+ Thông tư số 24/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 04/2004/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 105/2003/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

+ Công văn số 3844/LĐTBXH-LĐTL ngày 21 tháng 10 năm 2008 triển khai thực hiện Nghị định số 111/2008/NĐ-CP do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;

+ Quyết định số 68/QĐ-KCNC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành quy trình quản lý lao động đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao.

4. Thủ tục Đăng ký nội quy lao động

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo phiếu hẹn, Doanh nghiệp sẽ đến nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

+ Gửi bưu điện theo hình thức bảo đảm.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký nội quy lao động (theo mẫu);

2. Quyết định ban hành nội quy lao động của Ban Giám đốc doanh nghiệp (theo mẫu);

3. Nội quy lao động của Doanh nghiệp;

4. Các văn bản quy định của đơn vị có liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động (mẫu số 1).

+ Quyết định ban hành nội quy lao động (mẫu số 2).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Bộ Luật Lao động số 35-L/CTN ban hành ngày 05 tháng 7 năm 1994, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 1995 đã được sửa đổi bổ sung;

+ Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;

+ Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;

+ Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi;

+ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

+ Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành, để hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất

đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ;

+ Thông tư số 15/2003/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2003;

+ Quyết định số 68/QĐ-KCNC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành quy trình quản lý lao động đối với các dự án trong Khu Công nghệ cao.

Mẫu số 1: Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v Đăng ký

nội quy lao

động

...., ngày.... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....(1)

Thực hiện Bộ Luật Lao động đã được sửa đổi, bổ sung, Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 41/CP của Chính phủ, Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(ghi tên đơn vị.....), Đề nghị (xem mục(1)) xem xét và thông báo kết quả việc đăng ký nội quy lao động, kèm theo hồ sơ gồm có:

1. Quyết định ban hành nội quy lao động.
2. Bản nội quy lao động.
3. Các văn bản quy định của đơn vị có liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ban chấp hành công đoàn cơ sở (để theo dõi).
- Lưu đơn vị.

Ghi chú:

(1) - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

- Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, Khu Công nghệ cao (đối với đơn vị thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao).

Mẫu số 2: Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v Đăng ký nội

quy lao động

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA

(ghi rõ chức vụ và tên đơn vị) về việc ban hành nội quy lao động

- Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 02/4/2002

- Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ.

Căn cứ.... ngày.... tháng... năm.... Của (cơ quan có thẩm quyền) quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nội quy lao động của đơn vị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được hồ sơ đăng ký nội quy lao động, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng (Phó) phòng (Ban) và mọi người lao động trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ghi tên cơ quan thông báo việc đăng ký nội quy lao động,
- Lưu đơn vị.

5. Thủ tục Đăng ký thỏa ước lao động tập thể

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo phiếu hẹn, Doanh nghiệp sẽ đến nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký Thỏa ước lao động tập thể;
2. Thỏa ước lao động tập thể (bản chính) 04 bản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

- Lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng thỏa ước lao động tập thể theo Điều 2, 3, 4 và 44 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

+ Các doanh nghiệp Nhà nước;

+ Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, các tổ chức, cá nhân có thuê mướn sử dụng từ 10 lao động trở lên;

+ Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các doanh nghiệp thuộc khu chế xuất, khu công nghiệp;

+ Các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thuê mướn từ 10 lao động là người Việt Nam trở lên, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác;

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng thỏa ước lao động tập thể là các doanh nghiệp, tổ chức có tổ chức công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời, bao gồm:

+ Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội;

+ Hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;

+ Các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao ngoài công lập thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa;

+ Các cơ quan, tổ chức quốc tế hoặc nước ngoài đóng trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng lao động hợp đồng là người Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Bộ Luật Lao động;

+ Nghị định số 196/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể;

+ Nghị định số 93/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 196/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể;

+ Quyết định số 1414/1997/QĐ-BLĐTB&XH ngày 17 tháng 11 năm 1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý lao động cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Quyết định số 68/QĐ-KCNC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành quy trình quản lý lao động đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao.

III. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC VÀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN mẫu D (C/O):

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả kết quả của VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp C/O (theo mẫu);

2. Mẫu C/O;

3. Tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan (các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo Tờ khai hải quan xuất khẩu theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp Tờ khai hải quan xuất khẩu);

4. Hóa đơn thương mại;

5. Vận tải đơn.

** Lưu ý: Trong trường hợp chưa có “tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan” và “vận tải đơn” (hoặc chứng từ tương đương vận tải đơn) người đề nghị cấp C/O mẫu D có thể nộp các chứng từ này nhưng không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp C/O.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp C/O (Phụ lục số 10).

+ Mẫu C/O (Phụ lục số 08).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Người đề nghị cấp C/O chỉ được xem xét cấp C/O tại nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký hồ sơ thương nhân;

2. Trong trường hợp đề nghị cấp C/O tại nơi cấp khác với nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân trước đây, người đề nghị cấp C/O phải cung cấp những lý do thích hợp bằng văn bản nêu rõ lý do không đề nghị cấp C/O tại nơi đã đăng ký hồ sơ thương nhân trước đó và phải đăng ký hồ sơ thương nhân tại Tổ chức cấp C/O mới đó;

3. Các trường hợp trước đây đã đề nghị cấp C/O nhưng chưa đăng ký hồ sơ thương nhân phải đăng ký hồ sơ thương nhân tại thời điểm đề nghị cấp C/O;

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA);

+ Công văn số 1131/VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Văn phòng Chính phủ về việc không thu lệ phí cấp C/O.

PHỤ LỤC 10**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O**

(Ban hành kèm theo Thông tư thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu		
		Đã đăng ký hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (√) vào ô thích hợp)				
<input type="checkbox"/> Cấp C/O		<input type="checkbox"/> C/O giáp lưng		
<input type="checkbox"/> Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng)		<input type="checkbox"/> C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành		
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O:				
- Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh <input type="checkbox"/>		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
- Tờ khai hải quan <input type="checkbox"/>		- Hợp đồng mua bán <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
- Hóa đơn thương mại <input type="checkbox"/>		- Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
- Vận tải đơn/chứng từ tương đương <input type="checkbox"/>		- Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
- Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu <input type="checkbox"/>		- Các chứng từ khác..... <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
- Giấy phép xuất khẩu <input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):.....			6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):.....	
- Tên tiếng Anh:			- Tên tiếng Anh:	
- Địa chỉ:			- Địa chỉ:	
- Điện thoại:, Fax:, Email:.....			- Điện thoại:, Fax:, Email:.....	
7. Người nhập khẩu/ Người mua (tên tiếng Việt):				
- Tên tiếng Anh:				
- Địa chỉ:				
- Điện thoại:, Fax:, Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		<i>(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)</i>		
13. Số Invoice:..... Ngày: .../.../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày: .../.../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O:			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật.	
- Người kiểm tra:			Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... <i>(Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)</i>	
- Người ký:				
- Người trả:				
- Đề nghị đóng: ▪ Đóng dấu (đồng ý cấp) <input type="checkbox"/> ▪ Đóng dấu "Issued retroactively" <input type="checkbox"/> ▪ Đóng dấu "Certified true copy" <input type="checkbox"/>				

Phụ lục 8
MẪU C/O MẪU D

(Ban hành kèm theo Thông tư thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN)

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)		Reference No. ASEAN TRADE IN GOODS AGREEMENT/ ASEAN INDUSTRIAL COOPERATION SCHEME CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM D Issued in _____ (Country) See Overleaf Notes			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		4. For Official Use <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given Under ASEAN Trade in Goods Agreement <hr/> <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given Under ASEAN Industrial Cooperation Scheme <hr/> <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date					
Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge					
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country)	8. Origin criterion (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN Trade in Goods Agreement for the goods exported to (Importing Country) Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13 <input type="checkbox"/> Third Country Invoicing <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Accumulation <input type="checkbox"/> De Minimis <input type="checkbox"/> Back-to-Back CO <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Partial Cumulation					

OVERLEAF NOTES

1. Member States which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA) or the ASEAN Industrial Cooperation (AICO) Scheme:

BRUNEI DARUSSALAM	CAMBODIA	INDONESIA
LAO PDR	MALAYSIA	MYANMAR
PHILIPPINES	SINGAPORE	THAILAND
VIETNAM		

2. **CONDITIONS:** The main conditions for admission to the preferential treatment under the ATIGA or the AICO Scheme are that goods sent to any Member States listed above must:

- (i) fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
- (ii) comply with the consignment conditions in accordance with Article 32 (Direct Consignment) of Chapter 3 of the ATIGA; and
- (iii) comply with the origin criteria set out in Chapter 3 of the ATIGA.

3. **ORIGIN CRITERIA:** For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly obtained or produced in the exporting Member State satisfying Article 27 (Wholly Obtained) of the ATIGA	"WO"
(b) Goods satisfying Article 28 (Non-wholly obtained) of the ATIGA <ul style="list-style-type: none"> • Regional Value Content • Change in Tariff Classification • Specific Processes • Combination Criteria 	Percentage of Regional Value Content, example "40%" The actual CTC rule, example "CC" or "CTH" or "CTSH" "SP" The actual combination criterion, example "CTSH + 35%"
(c) Goods satisfying paragraph 2 of Article 30 (Partial Cumulation) of the ATIGA	"PC x%", where x would be the percentage of Regional Value Content of less than 40%, example "PC 25%"

4. **EACH ARTICLE MUST QUALIFY:** It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. **DESCRIPTION OF PRODUCTS:** The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer and any trade mark shall also be specified.
6. **HARMONISED SYSTEM NUMBER:** The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Member State.
7. **EXPORTER:** The term "Exporter" in Box 11 may include the manufacturer or the producer.
8. **FOR OFFICIAL USE:** The Customs Authority of the importing Member State must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. **MULTIPLE ITEMS:** For multiple items declared in the same Form D, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
10. **THIRD COUNTRY INVOICING:** In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
11. **BACK-TO-BACK CERTIFICATE OF ORIGIN:** In cases of Back-to-Back CO, in accordance with Rule 11 (Back-to-back CO) of Annex 8 of the ATIGA, the "Back-to-Back CO" box should be ticked (✓).
12. **EXHIBITIONS:** In cases where goods are sent from the exporting Member State for exhibition in another country and sold during or after the exhibition for importation into a Member State, in accordance with Rule 22 of Annex 8 of the ATIGA, the "Exhibitions" box should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in box 2.
13. **ISSUED RETROACTIVELY:** In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form D) may be issued retroactively, in accordance with paragraph 2 of Rule 10 of Annex 8 of the ATIGA, the "Issued Retroactively" box should be ticked (✓).
14. **ACCUMULATION:** In cases where goods originating in a Member State are used in another Member State as materials for finished goods, in accordance with paragraph 1 of Article 30 of the ATIGA, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
15. **PARTIAL CUMULATION (PC):** If the Regional Value Content of the material is less than forty percent (40%), the Certificate of Origin (Form D) may be issued for cumulation purposes, in accordance with paragraph 2 of Article 30 of the ATIGA, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
16. **DE MINIMIS:** If a good that does not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten percent (10%) of the FOB value, in accordance with Article 33 of the ATIGA, the "De Minimis" box should be ticked (✓).

2. Thủ tục Đăng ký thương nhân

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo phiếu hẹn, Doanh nghiệp sẽ đến nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O và con dấu của thương nhân (theo mẫu);

2. Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp (bản sao);

3. Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao);

4. Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có) của thương nhân (theo mẫu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản đăng ký mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O và mẫu con dấu của thương nhân (Phụ lục 12).

+ Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có) của thương nhân (Phụ lục 11).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA);

+ Hiệp định CEPT.

PHỤ LỤC 12 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công thương ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA).

**ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**
(Ban hành kèm theo Thông tư thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định
thương mại hàng hóa ASEAN)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: (tên của Tổ chức cấp C/O)

Công ty: (tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (địa chỉ của doanh nghiệp)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của doanh nghiệp có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký trên Đơn đề nghị cấp Mẫu C/O.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số Chứng minh thư

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của Tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này.

CÔNG TY

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp)

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 11 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công thương ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA).

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: (tên của Tổ chức cấp C/O)

Công ty: (tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (địa chỉ của doanh nghiệp)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu của doanh nghiệp chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này.

CÔNG TY

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp)

(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Đăng ký văn phòng phẩm, hàng hóa phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo phiếu hẹn, Doanh nghiệp sẽ đến nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Công văn đề nghị của doanh nghiệp;

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. Đơn đặt hàng hoặc hợp đồng xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp (Bản sao có đóng dấu của công ty);

4. Bản sao hóa đơn (không quá 3 tháng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04 tháng 4 năm 2007 về việc hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do Bộ Thương mại ban hành, để hướng dẫn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

+ Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Thủ tục Xác nhận hàng hóa là sản phẩm, hệ thống công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng được phép nhập khẩu

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: doanh nghiệp có nhu cầu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp thì bộ phận tiếp nhận tiến hành lập và giao biên nhận.

+ Nếu hồ sơ không phù hợp thì tiến hành hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 3: Nhận kết quả tại bộ phận trả kết quả của Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Công văn đề nghị của doanh nghiệp;
2. Giải pháp bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ và hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận.

- Lệ phí (nếu có): Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Chỉ xác nhận các sản phẩm, hệ thống công nghệ thông tin chuyên dùng sử dụng để làm phương tiện sản xuất của doanh nghiệp, không lưu thông ra thị trường, không tạo rác thải gây ô nhiễm môi trường và sau khi không còn giá trị sử dụng phải được xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Trường hợp sản phẩm, hệ thống công nghệ thông tin chuyên dùng này thuộc danh mục sản phẩm bắt buộc phải chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thì phải có chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn trước khi nhập khẩu theo quy định tại các Quyết định số 44/2006/QĐ-BBCVT ngày 03 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 45/2006/QĐ-BBCVT ngày 03 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông.

3. Trường hợp sản phẩm, hệ thống công nghệ thông tin chuyên dùng là thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện thì khi nhập khẩu phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 02/2006/TT-BBCVT ngày 24 tháng 4 năm 2006 của Bộ Bưu chính, Viễn thông

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Quyết định số 20/QĐ-BBCVT ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về ban hành danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu;

+ Quyết định số 11/2007/QĐ-BBCVT ngày 24 tháng 5 năm 2007 về sửa đổi bổ sung quyết định số 20/QĐ-BBCVT ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về ban hành danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu;

+ Quyết định số 1026/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ thông tin và truyền thông về ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh xác nhận hàng hóa là sản phẩm, hệ thống công nghệ thông tin đã qua sử dụng.

IV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thủ tục Thực hiện xác nhận các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định;

Bước 2: Nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Trường hợp hồ sơ yêu cầu xác nhận hợp lệ thì bộ phận tiếp nhận sẽ viết phiếu hẹn.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc khi giải quyết yêu cầu xác nhận phát hiện người yêu cầu xác nhận không đủ điều kiện thực hiện quyền thì bộ phận tiếp nhận sẽ trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do cho người xác nhận.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả kết quả của VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Phiếu yêu cầu xác nhận hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất (Mẫu số 62/PYC);

2. Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật;

3. Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai;

4. Bản chính hợp đồng, văn bản về bất động sản. Số lượng hợp đồng bằng số bản đã quy định trong hợp đồng (không ít hơn 03 bản);

5. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng;

* Chú ý: Ngoài các giấy tờ nêu tại khoản 1 Điều này, đối với trường hợp thế chấp tài sản hình thành trong tương lai còn phải có thêm bản sao giấy phép xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** văn bản xác nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Mức thu phí công chứng hợp đồng, giao dịch xác nhận theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch đó, cụ thể được tính như sau:

+ Dưới 100 triệu (tr) đồng: 100.000đ/trường hợp;

+ Từ 100tr đồng- 1 tỉ đồng: 0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch;

+ Từ trên 1 tỉ đồng - 5 tỉ đồng: 1tr đồng + 0,07% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 1 tỉ;

+ Từ trên 5 tỉ đồng: 3,8tr đồng+ 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 5 tỉ đồng (mức thu tối đa không quá 10tr đồng/trường hợp)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Phiếu yêu cầu xác nhận hợp đồng, văn bản (mẫu số 62/PYC).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Các bên phải chịu trách nhiệm về các giấy tờ do mình xuất trình.

+ Phải bảo đảm các nguyên tắc giao kết hợp đồng hoặc xác lập văn bản theo quy định của pháp luật dân sự.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Công chứng số 82/2006/QH11 của Quốc hội ngày 29 tháng 11 năm 2006;

+ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Công chứng;

+ Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

+ Thông tư liên tịch số 91/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng.

Mẫu số 62/PYC Ban hành kèm theo thông tư số 04/2006/TTLT- BTP- BTNMT ngày 13/6/2006 hướng dẫn về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU XÁC NHẬN
HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Ban quản lý

Họ và tên người nộp phiếu:
Địa chỉ liên hệ:
Số điện thoại:
Email:
Số Fax:

Yêu cầu xác nhận về:

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5
- 6
- 7
- 8
- 9
- 10

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục Giao lại đất trong Khu Công nghệ cao

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ, hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ tiến hành viết phiếu biên nhận và hẹn ngày trả kết quả.

Bước 3: Nhà đầu tư tiến hành nhận kết quả tại bộ phận trả kết quả Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy phép đầu tư (02 bản sao y);

2. Hợp đồng thuê đất (02 bản sao y);

3. Biên bản giao đất tại hiện trường (02 bản sao y);

4. Bản đồ hiện trạng, vị trí khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt;

5. Giấy xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

6. Công văn đề nghị của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên Môi trường.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trung tâm đo đạc bản đồ.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí địa chính: 100.000 đồng.

+ Phí vẽ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 50.000đ (chưa VAT).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

+ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

+ Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thu lệ phí địa chính, lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và không thu phí dự thi, dự tuyển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Thông báo số 0967/TB-ĐDBĐ ngày 25 tháng 07 năm 2006 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá in sao bản đồ, định vị chôn trụ bê tông cốt thép, đo vẽ hiện trạng, đo vẽ sơ đồ nhà đất.

3. Thủ tục Cho thuê đất trong Khu Công nghệ cao

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Thỏa thuận thuê đất (Đơn xin thuê đất);
2. Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Biên bản bàn giao đất và hợp đồng thuê đất

- Lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

+ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

4. Thủ tục Gia hạn sử dụng đất trong Khu Công nghệ cao:**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Trước khi hết thời hạn sử dụng đất sáu (06) tháng, người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ gồm có:

+ Đơn xin gia hạn sử dụng đất;

+ Dự án bổ sung về sản xuất, kinh doanh đã được xét duyệt đối với trường hợp xin gia hạn sử dụng đất trên mười hai (12) tháng.

Trường hợp dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài thì việc xét duyệt dự án bổ sung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt dự án đầu tư thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- + Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

V. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

1. Thủ tục đăng ký công trình hoàn thành

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả kết quả của VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Hồ sơ pháp lý:

+ Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với các đơn vị: thi công, giám sát, tư vấn thiết kế, lắp đặt thiết bị, cung ứng vật tư;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các đơn vị tham gia xây dựng công trình: thi công, giám sát, tư vấn thiết kế, lắp đặt thiết bị, cung ứng vật tư.

2. Tài liệu quản lý chất lượng công trình:

+ Nhật ký công trường;

+ Lý lịch, chứng chỉ xuất xưởng của vật liệu, thiết bị thi công;

+ Báo cáo của đơn vị tư vấn giám sát: từng giai đoạn, kết thúc;

- Biên bản kiểm tra định vị móng, công trình ngầm và định vị cốt xây dựng;

- Biên bản nghiệm thu công trình từng giai đoạn;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình;

- Hồ sơ pháp lý tài liệu quản lý chất lượng công trình xây dựng của từng giai đoạn;

- Giấy chứng nhận nghiệm thu về PCCC;
- Tài liệu về bảo vệ môi trường.

3. Bản vẽ hoàn thành công trình tỷ lệ 1/100 - 1/200:

+ Trong trường hợp: nếu thi công xây dựng công trình đúng với Quyết định phê duyệt quy hoạch và giấy phép do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp thì chủ đầu tư chỉ cần thay đổi các tiêu đề trên nội dung bản vẽ cho phù hợp, các đơn vị tư vấn đóng dấu xác nhận mà không cần phải lập lại bản vẽ hoàn công;

+ Trong trường hợp: nếu thi công xây dựng công trình không đúng với quyết định phê duyệt quy hoạch và giấy phép do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp thì tùy theo trường hợp cụ thể chủ đầu tư phải hoàn thành các công việc điều chỉnh quy hoạch, giấy phép xây dựng thì Ban Quản lý Khu Công nghệ cao mới xem xét hồ sơ hoàn công theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ);

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức;

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TPHCM

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TPHCM.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ban hành ngày 10 tháng 12 năm 2003 có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2004;

+ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Nghị định số 49/2004/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều nghị định số 209/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Quyết định số 04/2006/QĐ-UB ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

2. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định

Bước 2: Nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả kết quả của VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (theo mẫu);

2. Phiếu đề nghị cấp giấy chứng nhận QSHCT XD cho tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trường hợp thuê đất thì có hợp đồng thuê lại đất kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên cho thuê đất có xác nhận của Ban Quản lý hoặc có công chứng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

4. Hợp đồng mua, bán, tặng, cho đổi...theo quy định kèm theo chứng từ sở hữu hợp lệ về công trình xây dựng đối với trường hợp mua, bán, tặng, cho, đổi...;

5. Văn bản đấu giá tài sản và Biên bản đấu giá thành cùng các chứng từ đi kèm đối với trường hợp tổ chức mua đấu giá, công trình xây dựng hoặc bản án quyết định của Tòa án có nội dung công nhận quyền sở hữu công trình xây dựng;

6. Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập doanh nghiệp;

7. Giấy phép xây dựng;

8. Giấy chứng nhận đăng ký công trình hoàn thành;

9. Biên bản làm việc về nội dung kiểm tra hiện trạng công trình tại thực địa so với bản vẽ sơ đồ hiện trạng công trình xây dựng (do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao chủ trì kiểm tra);

10. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình (đối với doanh nghiệp nhà nước);

11. Bản vẽ sơ đồ công trình xây dựng. Bản vẽ sơ đồ công trình xây dựng do đơn vị có tư cách pháp nhân về đo vẽ lập và đảm bảo đầy đủ các yếu tố để thể hiện trên giấy chứng nhận. Nội dung Bản vẽ sơ đồ thể hiện vị trí khuôn viên đất, ranh xây dựng, quy hoạch, các ghi chú về thửa đất, tên và cấp công trình, kích thước các cạnh, tổng diện tích sàn xây dựng (công suất) từng hạng mục công trình, kết cấu chủ yếu, năm xây dựng;

12. Biên lai nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình:

+ Nếu diện tích sàn <500m²: 200.000đ/giấy.

+ Nếu diện tích sàn từ 500m² đến 1.000m²: 350.000đ/giấy.

+ Nếu diện tích sàn >1.000m²: 500.000đ/giấy

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (Phụ lục 02).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Là tổ chức có đủ tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam .

2. Có công trình xây dựng được tạo lập hợp pháp tại Việt Nam thông qua đầu tư xây dựng, mua, bán, nhận, tặng, cho, nhận thừa kế, đổi hoặc thông qua các hình thức tạo lập khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ban hành ngày 10 tháng 12 năm 2003, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2004;

+ Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sở hữu công trình;

+ Thông tư số 13/2005/TT-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sở hữu công trình;

+ Công văn số 265/UBND-ĐT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân TP HCM về kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng theo Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005.

PHỤ LỤC SỐ 02 ban hành kèm Thông tư số 13/2005/TT-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sở hữu công trình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Mẫu áp dụng đối với CTXD đề nghị cấp giấy chứng nhận lần đầu)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Tên tôi là:.....CMND số..... cấp ngày...../...../.....

Thường trú tại:

.....Số DT:

Đại diện cơ quan (nếu là tổ chức xin cấp giấy CN):

Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu CTXD theo Nghị định số 95/2005/NĐ-CP cho những người đứng tên chủ sở hữu sau đây (hoặc cho cơ quan):

1/ Tên công trình:

Địa chỉ CT:

Các thông số của từng hạng mục công trình xây dựng (chỉ ghi công trình chính):

a/ Tên hạng mục công trình thứ nhất:.....

- Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng:

- Diện tích sàn xây dựng hoặc công suất:

- Kết cấu chủ yếu:

- Số tầng:.....

- Năm xây dựng:

b/ Tên hạng mục công trình từ thứ hai đến thứ n (bổ sung vào phần sau và ghi nội dung như công trình thứ nhất)

2/ Đất có công trình xây dựng

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số..... cấp ngày...../...../.....

Thửa đất số:

Diện tích đất.....m². Sử dụng riêng:.....m². Sử dụng chung:

Đất được giao hoặc thuê:

HĐ thuê đất số:..... ngày..... tháng..... năm

Thời gian thuê: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng năm

Kèm theo đơn này có các giấy tờ sau (ghi rõ bản chính hoặc bản sao):

1.
2.
3.
4.
5.

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để nhân viên chính quyền kiểm tra, đo đạc lại, nộp chi phí cấp giấy và các khoản tài chính theo quy định của Nhà nước.

Xác nhận của UBND cấp xã

(đối với trường hợp người đề nghị cấp giấy chứng nhận có nhà ở, công trình xây dựng thuộc diện quy định tại điểm g hoặc điểm h khoản 1.1 Mục 1 Phần II của Thông tư số 13/TT-BXD ngày 05/8/2005 của Bộ Xây dựng)

.....ngày.....tháng.....năm.....

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức phải đóng dấu)

VI. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

1. Thủ tục giải thể doanh nghiệp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ: VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường Đ1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ thì tiến hành hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tiến hành viết giấy biên nhận và hẹn ngày thông báo văn bản xác nhận.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản thông báo đã hoàn thành các thủ tục giải thể.
2. Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán (kèm xác nhận của các chủ nợ đã được thanh toán hết);
3. Danh sách người lao động và quyền lợi của người lao động được giải quyết;
4. Bản gốc Giấy chứng nhận đầu tư;
5. Xác nhận của cơ quan hải quan về việc doanh nghiệp đã hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục liên quan đến hải quan;
6. Xác nhận của cơ quan thuế về việc doanh nghiệp đã hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục liên quan đến thuế;
7. Xác nhận của cơ quan công an về việc doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục trả con dấu;
8. Báo cáo tóm tắt việc thực hiện thủ tục giải thể.

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TPHCM.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TPHCM.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

2. Thủ tục thông báo thay đổi tên doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;

2. Quyết định bằng văn bản của Hội đồng thành viên công ty về việc đổi tên doanh nghiệp.

3. Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty về việc đổi tên doanh nghiệp.

4. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có)

5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh

3. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư
2. Thông báo về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật
3. Quyết định bằng văn bản của Hội đồng thành viên công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật
4. Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

5. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có)

6. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam

Phụ lục I-6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập Doanh nghiệp)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:
 Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu
(tên giấy, số, ngày, nơi cấp):.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:
 Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:.....
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập
 Số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....
 Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu
 tư, gồm:
 Họ tên: Ngày sinh:
 Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:
 Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu
(tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Email:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số:

Ngày cấp..... Nơi cấp:

Với nội dung sau:

(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)

II. Đăng ký điều chỉnh nội dung kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên bằng tiếng Việt:

b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

c) Tên viết tắt nếu có:

2. Địa chỉ trụ sở chi nhánh:

a. Số nhà/đường:

b. Phố/xã:

c. Phường/quận:

d. Huyện/tỉnh:

e. Thành phố:

Chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

f. Số nhà/đường:

g. Phố/xã:

h. Phường/quận:

i. Huyện/tỉnh:

j. Thành phố:

3. Loại hình doanh nghiệp:

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

5. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

6.Vốn của doanh nghiệp:

7.Vốn pháp định:

II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:

5. Thời hạn hoạt động:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án:.....

7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

4. Thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
2. Quyết định bằng văn bản của Hội đồng thành viên công ty về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty.
3. Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty.

4. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có)

5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Quyết định bằng văn bản chủ sở hữu công ty về việc đổi tên chủ sở hữu;
3. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có);
4. Báo cáo tình hình thực hiện dự án;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

6. Thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức)**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Quyết định bằng văn bản Hội đồng thành viên Công ty hoặc Chủ tịch công ty về việc thay đổi trụ sở chính;
3. Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty về việc thay đổi trụ sở chính;
4. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có);
5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

7. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức)**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Quyết định bằng văn bản Hội đồng thành viên Công ty hoặc Chủ tịch công ty về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh;
3. Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh;

4. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có);

5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

8. Thủ tục sáp nhập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
3. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp;
4. Biên bản họp về việc sáp nhập Công ty;
5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

9. Thủ tục hợp nhất các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo loại hình của Công ty nhận sáp nhập;
3. Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 152 Luật Doanh nghiệp;
4. Biên bản họp về việc hợp nhất Công ty;
5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

10. Thủ tục chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo Công ty TNHH hai thành viên của các Công ty được chuyển đổi;

3. Quyết định bằng văn bản về việc chuyển đổi của Hội đồng thành viên Công ty;

4. Biên bản họp về việc chuyển đổi của Hội đồng thành viên Công ty;

5. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

6. Báo cáo tình hình thực hiện dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

11. Thủ tục chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo Công ty cổ phần của các Công ty được chuyển đổi;

3. Quyết định bằng văn bản về việc chuyển đổi của Hội đồng thành viên Công ty;

4. Biên bản họp về việc chuyển đổi của Hội đồng thành viên Công ty;

5. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

6. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

12. Thủ tục chia Công ty TNHH hai thành viên trở lên**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo loại hình của các công ty được chia;
3. Quyết định bằng văn bản về việc chia công ty của Hội đồng thành viên Công ty;
4. Biên bản họp về việc chuyển đổi của Hội đồng thành viên Công ty;
5. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;
6. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

13. Thủ tục đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu CNC, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;
2. Quyết định bằng văn bản Hội đồng thành viên Công ty về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh;
3. Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh;
4. Điều lệ công ty sửa đổi (nếu có);
5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu CNC
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký.

VII. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

1. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Khi hồ sơ nộp đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật thì bộ phận tiếp nhận lập và giao biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại bộ phận trả kết quả của văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao tp Hồ Chí Minh.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Phần văn bản:

+ Văn bản đề nghị thẩm định phê duyệt;

+ Giấy phép đăng ký kinh doanh (tổ chức tư vấn thiết kế);

+ Chứng chỉ hành nghề của bộ môn chủ nhiệm đồ án (bộ môn thiết kế quy hoạch, cấp điện, cấp thoát nước, kỹ thuật đất xây dựng);

+ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư;

+ Quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền (hoặc hợp đồng thuê đất) và bản đồ cắm mốc đỉnh kèm biên bản giao đất tại hiện trường.

2. Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí, ranh giới khu đất: được trích từ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỉ lệ 1/500;

+ Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỉ lệ 1/500;

- + Bản đồ chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng (hay gọi là bản đồ san nền), tỉ lệ 1/500;
 - + Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500 gồm: giao thông; cấp nước; cấp điện; thoát nước mưa; thoát nước thải và vệ sinh môi trường, chủ đầu tư và tư vấn cần xác định các điểm đầu nối các tuyến hạ tầng kỹ thuật của dự án theo vị trí đầu nối của từng hệ thống trong Khu Công nghệ cao do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cung cấp;
 - + Các bản đồ về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;
 - + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;
 - + Bản vẽ mặt bằng mặt đứng mặt cắt các hạng mục công trình có trong dự án theo tỷ lệ thích hợp từ 1/500 đến tỷ lệ 1/100;
 - + Phối cảnh công trình (toàn khu, khổ giấy A1=841 x 594 mm);
 - + Mô hình toàn khu tỷ lệ 1/500 (hoặc phù hợp theo quy mô của công trình);
 - + Thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng theo nội dung quy định tại quyết định số 03/208/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 (do tư vấn thiết kế lập và được chủ đầu tư thông qua);
 - + Đĩa CD lưu trữ toàn bộ văn bản, bản vẽ, thuyết minh, hình phối cảnh, ảnh mô hình.
- b) Số lượng hồ sơ:
- + Phần văn bản 01 bộ.
 - + Phần bản vẽ 05 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**
- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp HCM.
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phê duyệt.
- **Lệ phí (nếu có):** Không có.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ban hành ngày 10 tháng 12 năm 2003 có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2004;

+ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

+ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

+ Nghị định số 209/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 209/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Bộ xây dựng về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng;

+ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành;

+ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn. Có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

VIII. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Thủ tục Thẩm định công nghệ dự án đầu tư:

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ hoàn thiện thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Nhà đầu tư nhận kết quả tại bộ phận trả kết quả của văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản giải trình công nghệ (theo mẫu);

2. Thuyết minh tóm tắt dự án (Báo cáo khả thi, luận chứng kinh tế kỹ thuật...)

b) Số lượng hồ sơ: 06 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Thẩm định sơ bộ 06 ngày;

+ Dự án thẩm định qua tổng hợp ý kiến chuyên gia 10 ngày;

+ Dự án lớn, phức tạp, cần qua Hội đồng chuyên đề thẩm định 12 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định dự án.
- **Lệ phí (nếu có):** Không có.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bản giải trình công nghệ (Phụ lục 3).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Khoa học Công nghệ số 21/2000/QH10 ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2000 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2001;

+ Quyết định số 1322/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 8 năm 2003 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp. HCM về thẩm định các dự án Đầu tư;

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao;

+ Thông tư số 02/2001/TT-BKHHCNMT ngày 15 tháng 12 năm 2001 về: - Tiêu chuẩn các Dự án công nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm, ứng dụng công nghệ mới về sinh học, công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông, xử lý ô nhiễm môi trường hoặc xử lý chế biến các chất thải thuộc Dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư; - Các vấn đề liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Việc nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng; Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành;

+ Thông tư số 55/2002/TT-BKHHCNMT ngày 23 tháng 7 năm 2002 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thẩm định công nghệ và môi trường các dự án đầu tư do Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường ban hành;

+ Quyết định số 61/QĐ-KCNC ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP. HCM về ban hành quy trình thẩm định công nghệ đối với các dự án đầu tư sản xuất Công nghệ cao vào Khu Công nghệ cao TP HCM, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

PHỤ LỤC 3 ban hành kèm Thông tư số 02/2001/TT-BKHCMNT ngày 15 tháng 12 năm 2001 về :- Tiêu chuẩn các Dự án công nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm, ứng dụng công nghệ mới về sinh học, công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông, xử lý ô nhiễm môi trường hoặc xử lý chế biến các chất thải thuộc Dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư;- Các vấn đề liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường;- Việc nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng; Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Khoa học, Công nghệ và môi trường ban hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN GIẢI TRÌNH CHI TIẾT NỘI DUNG

của Dự án công nghiệp kỹ thuật cao

Kính gửi:..... (ghi tên các Cơ quan xem xét, xác nhận
Dự án công nghiệp kỹ thuật cao)

Tên Dự án:

Tên giao dịch:

Có trụ sở đăng ký tại:

Số điện thoại: Fax:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư số: ngày

do cấp.

(nếu là Dự án đã được cấp Giấy phép đầu tư)

Hình thức đầu tư:

Bên Việt Nam: (Tên Công ty)

Bên nước ngoài: (Tên Công ty)

Theo Thông tư số 02/2001/TT-BKHCMNT ngày 15 tháng 02 năm 2001 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn xác định công nhận Dự án công nghiệp kỹ thuật cao.

Chúng tôi xin giải trình chi tiết nội dung của Dự án như sau:

1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay:

- Địa chỉ:

- Diện tích sử dụng:

2. Thời hạn dự kiến hoạt động của Dự án:

3. Thời điểm chính thức sản xuất:

4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của Dự án:

5. Tổng vốn đầu tư..... USD, trong đó

- Vốn cố định USD, bao gồm

+ Nhà xưởng m², trị giá USD

+ Văn phòng m², trị giá USD

+ Trang thiết bị công nghệ trị giá USD

+ Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định USD

- Vốn cố định khác USD

- Vốn pháp định USD

- Bên Việt Nam % là USD

Gồm: + Tiền, tương đương USD

+ Tài sản khác, tương đương USD

- Bên nước ngoài % là USD

Gồm: + Tiền USD

+ Tài sản khác USD

6. Nội dung công nghệ của Dự án

6.1 Đặc điểm của công nghệ sản xuất:

6.2. Mô tả các bước công nghệ của sản xuất:

6.3. Danh mục trang, thiết bị:

Danh mục trang, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Năm sản xuất	Số lượng	Giá trị USD	Tỷ lệ % (1)
1. Thiết bị công nghệ (2) 2. Trang bị khuôn mẫu, đồ gá 3. Thiết bị phụ trợ (3) 4. Thiết bị vận chuyển 5. Thiết bị văn phòng					

Ghi chú: (1). Tỷ lệ % so với tổng vốn cố định.

(2). Bao gồm cả các thiết bị thông gió, hút bụi và xử lý chất thải.

(3). Bao gồm các thiết bị cung cấp, phân phối năng lượng.

6.4. Mô tả hoạt động của dây chuyền sản xuất và các thiết bị công nghệ chính trong dây chuyền sản xuất, nêu rõ trình độ cơ khí hóa, tự động hóa của cả dây chuyền và của các thiết bị chính.

6.5. Công suất thiết kế.

Tên sản phẩm	Dự kiến theo thiết kế		
	Số lượng	Đơn giá	Doanh thu
1.			
2.			
3.			
Cộng:			

6.6. Tiêu hao vật chất cho một đơn vị sản phẩm

Loại vật chất tiêu hao	Khối lượng		Giá trị USD	
	Tổng thể	Trên 1 đơn vị sản phẩm	Tổng thể	Trên 1 đơn vị sản phẩm
- Năng lượng điện (kWh/năm)				
- Nước (m ³ /ngày đêm)				
- Nguyên vật liệu chính				

6.7. Tổ chức quản lý dự án.

Sơ đồ tổ chức quản lý của Dự án, thuyết minh mức độ tin học hóa hệ thống quản lý.

6.8. Lao động và đào tạo

+ Số lao động gián tiếp;

+ Số lao động trực tiếp;

+ Số lao động người nước ngoài:

+ Số lượng, khối lượng cán bộ, công nhân viên được đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong từng năm, kể từ khi được cấp Giấy phép đầu tư (số người-ngày), (phân ra: cán bộ cao đẳng, đại học trở lên và trung cấp, công nhân viên);

+ Chi phí thực hiện cho việc đào tạo nói trên;

6.9. Trợ giúp kỹ thuật từ bên ngoài.

+ Nội dung trợ giúp kỹ thuật (giám sát, hướng dẫn bố trí, lắp đặt thiết bị, giám sát xây dựng công trình, hướng dẫn vận hành thiết bị và dây chuyền sản xuất, hướng dẫn thao tác thực hiện quy trình sản xuất).

+ Số lượng, khối lượng chuyên gia được cử đến để trợ giúp kỹ thuật trong từng năm (số người - ngày).

+ Dự kiến, chi phí thực hiện cho việc trợ giúp kỹ thuật nói trên.

7. Các chỉ tiêu chung

7.1. Đánh giá chung về trình độ công nghệ của dây chuyền sản xuất (thuộc loại thế hệ những năm nào?)

Sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nào? (hoặc tương đương sản phẩm trong nước hoặc quốc tế ở loại nào?)

7.2. Giá trị nội địa hóa:

- Giá trị các linh kiện, bộ phận có kỹ thuật cao của sản phẩm do xí nghiệp tự sản xuất tại Việt Nam được sử dụng trong từng năm.

- Giá trị các linh kiện, bộ phận có kỹ thuật cao của sản phẩm do xí nghiệp khác tại Việt Nam sản xuất được sử dụng trong từng năm.

7.3. Trình độ cán bộ, công nhân viên:

Số cán bộ, công nhân viên:

- Trên đại học

- Đại học, cao đẳng

- Trung học

7.4. Tổng giá trị sản lượng tính theo đầu người

7.5. Giá trị thiết bị máy móc công nghệ tính bình quân cho một đầu người.

7.6. Tỷ lệ kinh phí tính theo doanh thu hàng năm dành cho công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp.

7.7. Các Tiêu chuẩn về môi trường đăng ký

7.8. Có hợp đồng chuyển giao công nghệ không? Nội dung chuyển giao công nghệ, thời hạn, phí chuyển giao công nghệ?

7.9. Chất lượng sản phẩm (các chỉ tiêu cụ thể)

7.10. Tỷ lệ xuất khẩu

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về những số liệu nêu trên.

Chủ dự án

*(hoặc người đại diện - Ghi rõ chức vụ
Ký tên - đóng dấu)*

Ghi chú:

+ Các số liệu nêu trong bản giải trình này được thu thập, tính toán phù hợp với các khái niệm được giải thích trong Thông tư số 02/2001/TT-BKHCMNT ngày 15 tháng 02 năm 2001 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

+ Trong giai đoạn xin ưu đãi và cấp Giấy phép, các số liệu trên là dựa vào báo cáo khả thi (hoặc luận chứng kinh tế kỹ thuật).

IX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

1. Thủ tục xét cho sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (Thẻ ABTC)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định

Bước 2: Nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, đường D1, KCNC, P. Tân Phú, Quận 9.

+ Trường hợp hồ sơ yêu cầu xác nhận hợp lệ thì bộ phận tiếp nhận sẽ viết phiếu hẹn.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc khi xem xét hồ sơ phát hiện người được xét không đủ điều kiện thì bộ phận tiếp nhận sẽ trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do cho người xác nhận.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận trả kết quả của VP Ban quản lý KCNC.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị của doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và đóng dấu (theo mẫu);

2. Bản sao một trong các loại giấy tờ: thư mời, hợp đồng ngoại thương, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc các chứng từ xuất, nhập khẩu khác (L/C, vận đơn, tờ khai hải quan, hóa đơn thanh toán) không quá 01 năm, tính đến thời điểm xin cấp thẻ ABTC với các đối tác thuộc nền kinh tế thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC (kèm bản chính các giấy tờ trên để đối chiếu). Nếu các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

3. Bản sao hộ chiếu;

4. Bản sao quyết định bổ nhiệm chức vụ;

5. Bản sao sổ Bảo hiểm xã hội.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND TP HCM.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý KCNC.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản xét cho sử dụng thẻ.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu văn bản doanh nghiệp đề nghị về việc cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

+Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2009 của UBND TP ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

MẪU (doanh nghiệp đề nghị): về việc cho phép sử dụng thẻ doanh nhân ABTC (kèm theo Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh)

TP. HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN - ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV

Tp. HCM, ngày.....tháng.....năm 200...

V/v: Xin sử dụng thẻ doanh nhân ABTC

Kính gửi :

Căn cứ vào Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC) ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/09/2006 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp & quản lý thẻ ABTC;

Công ty (tên đầy đủ bằng tiếng Việt)....., (địa chỉ:, điện thoại:....., fax:....., email:..... Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư):, cấp ngày:....., nơi cấp:....., Mã số thuế:). Kính đề nghị xem xét cho phép những người có tên sau được cấp thẻ ABTC để tạo thuận lợi cho việc đi lại, lưu trú vì mục đích kinh doanh tại các nền kinh tế thành viên tham gia chương trình thẻ ABTC.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số, ngày cấp, ngày hết hạn của hộ chiếu
1					
2					
3					

Sau khi đọc và hiểu rõ các quy định của Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh Ban hành kèm Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định có liên quan, chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của Nhà nước Việt Nam cũng như của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

**Đại diện theo pháp luật
của Doanh nghiệp**